

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HC-PT

Ngày: 25-12-2020

*V/v: Kiện quyết định hành chính, hành vi
hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn
Ông Phạm Tồn

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 163/2020/TLPT-HC ngày 06/4/2020, về việc: “*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo; giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Lương Tấn V, sinh năm 1960 và bà Lê Thị L, sinh năm 1963; Trú tại: tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Thị Như T – Văn phòng Luật sư D, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

*** *Người bị kiện:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Tấn N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H 1.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên:
Ông Ngô Quang Phú – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lương Tấn V, bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất năm 1988 vợ chồng ông V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông Ngô Văn T, do mẹ ruột ông T đứng ra chuyển nhượng, hiện không có giấy tờ chứng minh, không có diện tích cụ thể.

Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông V xây dựng nhà máy xay xát trên một phần đất, phần còn lại làm vườn, đến năm 1989 thì ngừng hoạt động nhà máy xay xát và cải tạo thành nhà ở ổn định cho đến nay, không ai tranh chấp. Khi đo đạc bản đồ địa chính năm 1996 thì đoàn đo đạc đã đo không đúng hiện trạng, giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cấp năm 2004 và 2013 cho UBND xã H 1 là không đúng hiện trạng, đã chồng lên một phần đất có ngôi nhà cấp bốn của vợ chồng ông V.

Biên bản cuộc họp ngày 17/6/2010 tại trụ sở thôn ông V có ký tên đồng ý trả lại đất đã mượn cho trụ sở thôn là do bị cưỡng ép, ký tên nhưng không rõ nội dung. Vợ chồng ông V không có mượn đất của trụ sở thôn, cũng không lấn chiếm đất trụ sở thôn nên ngày 05/5/2018 UBND xã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ tường nhà đang xây dựng, thu giữ các dụng cụ thi công là trái pháp luật.

Nay vợ chồng ông V, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa hủy:

1/ Quyết định số 58/QĐ-XPVPHC ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND xã H 1 xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai;

2/ Thông báo số 18/TB-UBND ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND xã H 1 về việc trả lại diện tích đất của nhà văn hóa thôn Phú N, xã H 1;

3/ Quyết định số 80/QĐ-CCXP ngày 30/7/2018 của Chủ tịch UBND xã H 1

cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, trả lại diện tích đất của nhà văn hóa thôn Phú N, xã H 1;

4/ Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp do Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (Chủ tịch UBND huyện T cũ thừa ủy quyền ký) cấp ngày 20/9/2004 đứng tên Ủy ban nhân dân xã H 1;

5/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 390017 do UBND tỉnh Phú Yên cấp ngày 07/11/2013 đứng tên UBND xã H 1.

Yêu cầu Tòa tuyên bố hành vi hành chính cưỡng chế tháo dỡ tường nhà đang xây dựng, thu giữ các dụng cụ thi công của UBND xã H 1 vào ngày 05/5/2018 là trái pháp luật và buộc UBND xã H 1 bồi thường thiệt hại 21.554.102đ, trong đó thiệt hại tường gạch là 1.554.102đ (theo biên bản định giá ngày 16/10/2019), thiệt hại tài sản tạm giữ 5.000.000đ, chi phí thuê phòng nghỉ, đi lại, in ấn tài liệu 6.000.000đ, chi phí gửi đơn thư 1.000.000đ, chi phí thuê luật sư 8.000.000đ.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện UBND xã H 1, Chủ tịch UBND xã H 1 trình bày:

Năm 1988 ông V thường quét dọn, phục vụ tại trụ sở nên trưởng thôn thỏa thuận miệng cho ông V mượn đất làm nhà máy xay xát đồng thời trông coi, phục vụ cho trụ sở thôn. Đến năm 2010 vợ chồng V ngừng hoạt động nhà máy xay xát, hiện nay máy móc thiết bị đã bán hết, hiện trạng vẫn còn ngôi nhà.

Vợ chồng ông V không sinh sống tại nhà máy xay xát mà sinh sống tại ngôi nhà trên thửa đất số 643, tờ bản đồ số 351C, thuộc thôn Phú N, xã H 1, huyện T đã được cấp GCNQSD đất đứng tên ông V. Đến tháng 7/2018 khi UBND xã có thông báo cưỡng chế thì vợ chồng ông V mới chuyển đến sinh sống tại nhà máy xay xát.

Ngày 17/6/2010 tại trụ sở thôn Phú N đã tiến hành họp các ban ngành đoàn thể để vận động gia đình ông V trả lại đất đã mượn hiện có nhà máy xay xát, bàn bạc kế hoạch vận động người dân đóng góp tu sửa lại trụ sở, xây dựng nhà vệ sinh. Khi đó ông V hoàn toàn tự nguyện trả lại đất, có ký tên vào biên bản, tại cuộc họp có sự tham gia hơn 10 người, nên không có sự cưỡng ép như ông V trình bày.

Ngày 02/5/2018 UBND xã phát hiện vợ chồng ông V đang xây dựng nhà trên phần đất phía sau nhà máy xay xát nên đã lập biên bản hiện trường, biên bản đình chỉ xây dựng, ngày 03/5/2018 UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính, ban hành

thông báo đình chỉ việc xây dựng trái phép.

Ngày 05/5/2018 UBND xã lập biên bản tạm giữ dụng cụ thi công do vợ chồng ông V không chấp hành đình chỉ xây dựng mà vẫn tiếp tục xây dựng nhà. Hành vi lập biên bản tạm giữ dụng cụ thi công này là đúng quy định pháp luật, không có việc cưỡng chế tháo dỡ tường nhà như lời trình bày của vợ chồng ông V và không gây thiệt hại cho gia đình ông V.

Căn cứ hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính năm 1996, GCNQSD đất được cấp cho UBND xã H 1 năm 2004 và năm 2013, lời khai những người lớn tuổi tại địa phương thể hiện rõ diện tích đất hiện có nhà máy xay xát và tường nhà đang xây bị đình chỉ là đất trụ sở thôn (nhà văn hóa thôn), thuộc quyền sử dụng của UBND xã H 1.

UBND xã H 1, Chủ tịch UBND xã H 1 không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định hành chính.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên có văn bản trình bày ý kiến số 5503/UBND-NC ngày 27/9/2018, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp GCN QSD đất trụ sở thôn Phú N là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Tại thời điểm kiểm tra hiện trạng ngày 23/7/2013 không có tranh chấp, không có ý kiến về việc cấp GCNQSD đất chồng lên đất của vợ chồng ông V. Nguồn gốc đất được UBND xã H 1 sử dụng làm trụ sở thôn Phú N từ năm 1975, đến năm 2004 thì được cấp GCN QSD đất, năm 2013 thì cấp đổi GCNQSD mới theo quy định pháp luật.

Theo các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Căn cứ bản đồ địa chính năm 1996, hồ sơ địa chính, GCNQSD đất đã cấp năm 2004 và 2013, lời khai những người lớn tuổi tại địa phương, biên bản họp tại trụ sở thôn ngày 17/6/2010 đủ cơ sở khẳng định vợ chồng V đã mượn đất, chiếm đất trụ sở thôn thuộc quyền sử dụng của UBND xã H 1.

Vợ chồng ông V đã sử dụng đất trụ sở thôn trong thời gian dài, không thực hiện nghĩa vụ tài chính là đã có lợi cho vợ chồng V, L. Quá trình sử dụng đất vợ chồng V không đăng ký, kê khai, chưa được cấp GCNQSD đất, không có giấy tờ gì chứng minh QSD đất. Đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì không có căn cứ pháp luật.

Người làm chứng ông Ngô Văn T trình bày: Trước đây mẹ ruột ông đứng ra chuyển nhượng một phần diện tích đất của gia đình cho vợ chồng ông V, diện tích đất phía sau trụ sở thôn, có mở đường đi rộng 2m để vợ chồng V đi ra đường công cộng, đường đi dọc theo ranh giới đất trụ sở thôn và phần đất còn lại của gia đình ông T. Do đó, ông T khẳng định gia đình ông không có chuyển nhượng cho vợ chồng V diện tích đất hiện có nhà máy xay xát và tường nhà đang xây.

Người làm chứng ông Lê Phúc N trình bày: Vợ chồng V có ngôi nhà cách trụ sở thôn vài trăm mét, còn ngôi nhà liền kề trụ sở thôn trước đây là nhà máy gạo, đến khoảng năm 2009 thì ngừng hoạt động, nhưng vợ chồng V vẫn canh tác, trồng trọt khu đất vườn phía sau. Đến năm 2018 khi xảy ra tranh chấp đất với UBND xã thì vợ chồng V mới chuyển đồ đạc về nhà máy gạo cũ để ở.

Người làm chứng ông Lương Trọng K trình bày: Vợ chồng ông V cùng 05 người con trước giờ sinh sống tại ngôi nhà của cha mẹ để lại (hiện nay vợ chồng ông V vẫn quản lý, sử dụng), đối với ngôi nhà hiện đang khởi kiện trước đây là nhà máy gạo, hiện nay đã ngừng hoạt động.

Tại phiên tòa, ông Lương Trọng K thay đổi lời khai: Vợ chồng ông V xây dựng nhà ở trên đất giáp trụ sở thôn từ năm 1988 đến nay, ổn định, không ai tranh chấp, không bị chính quyền địa phương ngăn cản. Nguồn gốc đất thì ông không biết rõ, nhưng thực tế gia đình ông V đã cất nhà ở trên đất 30 năm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày: Vợ chồng ông V cùng 05 người con trước giờ sinh sống tại ngôi nhà của cha mẹ để lại cách trụ sở thôn hơn 100m. Còn ngôi nhà liền kề trụ sở thôn hiện đang khởi kiện trước đây là nhà máy gạo, hiện nay không còn hoạt động.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L thay đổi lời khai: về nguồn gốc đất thì không rõ nhưng thực tế gia đình ông V đã cất nhà ở trên đất 30 năm nay, không ai tranh chấp, chính quyền địa phương không ngăn cản.

Người làm chứng ông Ngô Văn L trình bày: ông chỉ biết trước đây gia đình ông có chuyển nhượng cho vợ chồng V một diện tích đất liền kề trụ sở thôn, phần còn lại thì hiện Ngô Văn T đang sử dụng, có nhà ở. Nhưng ông không rõ diện tích chuyển nhượng, không rõ ranh giới chuyển nhượng trên thực địa.

Người làm chứng ông Đặng Hữu L, ông Cao Sĩ L ông Trần Minh T trình bày: Nguyên trước đây ông Lương Tấn H (chết) là trưởng thôn đã cho ông V mượn đất để xây dựng nhà máy xay xát, vì ông V thường trông coi, quét dọn, phục vụ cho trụ sở

thôn. Một thời gian sau thì ông V ngừng hoạt động nhà máy xay xát, đây không phải ngôi nhà của vợ chồng V. Vì vợ chồng ông V có ngôi nhà tại vị trí khác, cùng thôn. Tại biên bản họp dân quân chính ngày 17/6/2010 tại trụ sở thôn có nhiều người tham gia, ông V thừa nhận có mượn đất của thôn, đã tự nguyện ký vào biên bản cam kết trả lại đất để xây dựng nhà vệ sinh.

Người làm chứng bà Trần Thị H, ông Trần Q, ông Nguyễn T, bà Lương Thị I trình bày: Nhà cấp 4 liền kề trụ sở thôn trước đây vợ chồng V làm nhà máy xay gạo, xay bột được một thời gian thì ngừng hoạt động, nhưng vợ chồng V vẫn thường xuyên trông coi, quản lý và canh tác phân đất vườn phía sau. Còn ngôi nhà chính mà gia đình ông V trước giờ sinh sống là ngôi nhà ở vị trí khác, cùng thôn.

Người làm chứng ông Cao Xuân B trình bày: Nguồn gốc đất trước đây là “Lầm làng”, nơi sinh hoạt chung của người dân trong thôn, đất tiếp giáp với đất gia đình ông Ngô Văn T. Trước năm 1975 trên đất có ngôi trường học, một thời gian sau thì hư hỏng, sập đổ. Khi vợ chồng V mua đất của gia đình ông T thì chỉ mở đường đi rộng 2m để đi ra đường đi công cộng. Sau đó vì ông V thường trông coi, quét dọn trụ sở thôn nên trưởng thôn đã cho mượn đất để xây nhà máy xay gạo, xay bột nhỏ tạm thời trên đất trụ sở thôn. Quá trình sử dụng nhiều năm vợ chồng ông V xây dựng, mở rộng thành ngôi nhà cấp 4 như hiện nay. Tại biên bản họp dân quân chính ngày 17/6/2010 ông V hoàn toàn tự nguyện ký biên bản trả lại đất đã mượn, có tôi chứng kiến. Gia đình ông V trước giờ sinh sống là ngôi nhà ở vị trí khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 58/QĐ-XPVPHC ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND xã H 1 xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai; Thông báo số 18/TB-UBND ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND xã H 1 về việc trả lại diện tích đất của nhà văn hóa thôn Phú N, xã H 1; Quyết định số 80/QĐ-CCXP ngày 30/7/2018 của Chủ tịch UBND xã H 1 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, trả lại diện tích đất của nhà văn hóa thôn Phú N, xã H 1; Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp do Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (Chủ tịch UBND huyện T cũ thừa ủy quyền ký) cấp ngày 20/9/2004 đứng tên Ủy ban nhân dân xã H 1;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 390017 do UBND tỉnh Phú Yên cấp ngày 07/11/2013 đứng tên UBND xã H 1.

Về việc yêu cầu: Tòa tuyên bố hành vi hành chính cưỡng chế tháo dỡ công trình, tạm giữ các dụng cụ thi công của UBND xã H 1 vào ngày 05/5/2018 là trái pháp luật; UBND xã H 1 bồi thường thiệt hại 21.554.102đ, vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2019, ông Lương Tấn V, bà Lê Thị L nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng trường hợp của vợ chồng ông V, bà L là sử dụng đất trước ngày 15/10/1993, tại thời điểm sử dụng đất không vi phạm pháp luật đất đai, hiện tại phù hợp với qui hoạch sử dụng đất, vợ chồng ông V, bà L đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Việc cấp giấy chứng nhận nhà đất ngày 20/9/2004 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp cho Ủy ban nhân dân xã H 1 đối với trụ sở thôn Phú N là hoàn toàn trái pháp luật, không đúng thẩm quyền và không đúng với thực tế sử dụng đất. Về thẩm quyền cấp chỉ có Ủy ban nhân dân tỉnh mới có thẩm quyền, trường hợp ủy quyền thì chỉ được ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Giám đốc Sở Tài chính.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 390017 ngày 07/11/2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên được cấp dựa vào Giấy chứng nhận nhà đất ngày 20/9/2004, nhưng Giấy chứng nhận nhà đất 2004 được cấp trái qui định pháp luật nên Giấy chứng nhận 2013 cũng trái pháp luật.

Việc Ủy ban nhân dân xã H 1 cho rằng vợ chồng ông V, bà L mượn đất của trụ sở thôn Phú N là không có cơ sở và không đúng, bởi lẽ diện tích đất đang sử dụng do mua của bà Võ Thị Xã (mẹ ông T) năm 1988, không phải mượn của thôn. Việc ông V ký vào biên bản họp ngày 17/6/2010 có sự ép buộc, không phải thống nhất việc trả lại đất nên biên bản này không có giá trị.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để người khởi kiện rút đơn khởi kiện vụ án hành chính và tiến hành khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp đất với Ủy ban nhân dân xã H 1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc trước đây là đất của “Lầm làng”. Sau năm 1975, Ủy ban nhân dân xã H 1 quản lý và xây dựng trụ sở thôn Phú N. Việc ông V mượn đất được những người cao tuổi tại địa phương xác nhận tại biên bản họp ngày 17/6/2010. Do đó, Ủy ban nhân dân xã H 1 yêu cầu vợ chồng ông V, bà L trả lại đất mượn là có căn cứ. Việc không trả lại đất mượn của thôn là hành vi vi phạm pháp luật đất đai. Các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân xã H 1 ban hành là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguồn gốc đất trước năm 1975 là đất “Lầm làng”, nơi sinh hoạt cộng đồng, đến năm 1975 sử dụng để xây dựng trụ sở thôn. Theo tờ bản đồ số 6, bản đồ 299, đo đạc năm 1984 thuộc thửa đất số 127 diện tích 1.390m², loại đất “T”. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 thuộc thửa đất số 544, diện tích 740m², tờ bản đồ số 351C, đã được đăng ký trong Sổ mục kê quyền số 2, trang số 22, do Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Phú Yên ký ngày 27/12/1997, đất do UBND xã quản lý. Ngày 20/9/2004 UBND xã H 1 được cấp giấy chứng nhận thửa đất số 544, diện tích 740m², tờ bản đồ số 351C để quản lý, sử dụng trụ sở làm việc. Ngày 07/11/2013, UBND tỉnh Phú Yên cấp GCNQSD đất cho UBND xã H 1 thửa số 544 nêu trên, đất trụ sở thôn Phú N.

[2] Năm 1988, vợ chồng ông V, bà L nhận chuyển nhượng thửa đất từ gia đình ông Ngô Văn T, phía sau trụ sở thôn. Việc chuyển nhượng đất không lập văn bản thể hiện diện tích, sơ đồ thửa đất; quá trình sử dụng đất không đăng ký, kê khai theo qui định. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2018 (bút lục 78), ông Ngô Văn T khẳng định gia đình ông chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng ông V diện tích đất phía sau trụ sở thôn, có mở đường đi rộng 2m để ông V đi ra đường công cộng, đường đi dọc theo ranh giới đất trụ sở thôn; gia đình ông T không chuyển nhượng cho vợ chồng ông V diện tích đất hiện có nhà máy xay xát và tường nhà đang xây bị đình chỉ.

[3] Tại văn bản ngày 02/10/2018, UBND xã H 1 trình bày: Năm 1988 vợ chồng ông V, bà L nhận chuyển nhượng đất từ mẹ ông T, phía sau trụ sở thôn. Vợ chồng ông V, bà L canh tác trên đất và đồng thời trông coi, phục vụ tại trụ sở thôn nên được trưởng thôn cho mượn một phần đất (nay đo đạc thực tế là 44,5m²) để xây dựng nhà máy xay xát, sau đó vợ chồng ông V, bà L bao chiếm diện tích đất (nay đo đạc thực tế là 40m²) phía sau nhà máy xay xát. Đến năm 2010, vợ chồng ông V, bà L ngừng hoạt động nhà máy xay xát, nhưng vẫn quản lý và canh tác phần đất vườn phía sau. Ngày 30/7/2018, UBND xã H 1 ban hành quyết định cưỡng chế buộc tháo dỡ công trình thì vợ chồng ông V, bà L chuyển đến sinh sống tại đây.

[4] Mặt khác, vào ngày 17/6/2010 tại cuộc họp thôn Phú N, ông V ký biên bản trả lại diện tích đất đã mượn. Tại biên bản họp các cụ cao tuổi toàn thôn Phú N ngày 03/5/2018, những người cao tuổi đều xác nhận phần đất mà ông V xây dựng là đất của “Lẫm làng” trước đây, đề nghị lấy lại để phục vụ cộng đồng. Đối chiếu bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2016 với bản đồ địa chính năm 1996, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp UBND xã năm 2004, 2013 thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là đất vợ chồng ông V đã mượn và chiếm của trụ sở thôn. Việc ông V cho rằng bị cưỡng ép ký biên bản là không có cơ sở.

[5] Việc vợ chồng ông V sử dụng đất mượn của thôn trong thời gian dài không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp. Ông V không trả đất mượn theo yêu cầu của UBND xã là vi phạm pháp luật về đất đai nên UBND xã H 1 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 58/QĐ-XPVPHC ngày 17/5/2018, Thông báo số 18/TB-UBND ngày 17/5/2018 về việc trả lại diện tích đất của nhà văn hóa thôn Phú N, Quyết định số 80/QĐ-CCXP ngày 30/7/2018 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, trả lại diện tích đất của nhà văn hóa thôn Phú N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, thấy rằng: Vợ chồng ông V, bà L sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 đối với thửa đất nhận chuyển nhượng của gia đình ông T; theo xác nhận của ông Ngô Văn T và lời khai của người cao tuổi tại địa phương, phần đất tranh chấp không thuộc phạm vi đất chuyển nhượng mà có nguồn gốc mượn của thôn để làm nhà máy xay xát; theo lời khai của những người làm chứng vợ chồng ông V, bà L sử dụng đất vào mục đích canh tác, trồng trọt, không có việc cất nhà ở ổn định từ năm 1988, vợ chồng ông V, bà L có nhà ở vị trí khác cùng thôn. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 cho Ủy ban nhân dân xã H 1 căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu giữ tại địa phương, đúng trình tự thủ tục qui định. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để người khởi kiện tiến hành vụ kiện tranh chấp dân sự là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L là có căn cứ, đúng pháp luật; kháng cáo của ông V, bà L không có cơ sở chấp nhận.

[8] Ông V, bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Tân V, bà Lê Thị L.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.
3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Lương Tấn V, bà Lê Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000079 ngày 05/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự